

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-8-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Long Ty.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Hưng;
2. Ông Bùi Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà N có mặt. Bị đơn ông Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn ngày 22/4/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày:*

Bà Lê Thị Thu N và ông Đinh Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2011,

hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 24/02/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng đã không còn sống chung từ khoảng tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, bà N làm đơn yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Quá trình chung sống bà N, ông Đ có 01 con chung tên Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 18/7/2012. Bà N tự nguyện giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bà N không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

*\* Theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 27/5/2020 của bị đơn ông Đinh Văn Đ trình bày:*

Ông Đ đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, ông Đ không có ý kiến gì khác, không cung cấp chứng cứ.

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; về con chung ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giao con chung tên Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 18/7/2012 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung đối với bị đơn, kết quả xác minh xác định bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 22/4/2020, nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn với các yêu cầu: Ly hôn và giao con chung tên Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 18/7/2012 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 24/02/2012. Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn, xác định quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm, chăm sóc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng không còn sống chung từ khoảng tháng 4 năm 2020 cho đến nay nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định: Bị đơn có đăng ký thường trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn sinh sống tại địa phương. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Đồng thời, bị đơn có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có con chung tên Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 18/7/2012. Hiện nay con chung bị đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn tự nguyện giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, con chung cháu L có ý kiến muốn được sống với bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và giao con chung tên Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 18/7/2012 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu N đối với bị đơn ông Đinh Văn Đ về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Thu N ly hôn với ông Đinh Văn Đ.

1.2. *Về con chung*: Giao con chung tên Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 18/7/2012 cho ông Đinh Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Thu N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Thu N và ông Đinh Văn Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N, ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

## 2. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu N phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0032656 ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 31/8/2020).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Long Ty**